

Bản án số: **511/2026/HS-PT**
Ngày: 25/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng**

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thu Hường

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký TAND thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Trần Đức Duy - Kiểm sát viên

Ngày 25/8/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 420/2026/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 266/2026/HSST ngày 28/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo **Nguyễn Tiến C**, sinh ngày 20/4/1979; CCCD số 001079011395 do Cục Cảnh sát về QLHC cấp ngày 04/6/2025; Giới tính: nam; tên gọi khác: không; Nơi thường trú: số C ngõ B T, phường P. thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: không có nơi ở cố định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Nguyễn Văn B; con bà: Nguyễn Hòa B1; vợ: Nguyễn Thị Ánh N; con: 02 con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án: 01, tiền sự: 0; Nhân thân: 4 tiền án.

- Bản án số 209/2006/HSST ngày 17/7/2006, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích);

- Bản án số 357/2008/HSST ngày 30/9/2008, tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã xóa án tích);

- Bản án số 331/2014/HSST ngày 26/8/2014, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã xóa án tích);

- Bản án số 159/2018/HSST ngày 25/10/2018, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt 30 tháng tù (đã xóa án tích);

- Bản án số 161/2024/HSST ngày 22/7/2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (Ra trại ngày 24/5/2025, chưa xóa án tích).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày: 08.01.2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H - có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: **1. Nguyễn Đình T**, sinh ngày 01.6.1989; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi thường trú: xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An; **2. Đỗ Đức H**, sinh ngày 13.4.1991; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi thường trú: số D ngõ H Xã Đ, phường K, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số D ngõ I T, phường Đ, thành phố Hà Nội; **3. Nguyễn Minh P**, sinh ngày 21.9. 1990; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; nơi thường trú: C Đ, phường B, thành phố Hà Nội; **4. Lê Thu N1**, sinh ngày 31.01. 1992; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; nơi thường trú: số A L, phường H, thành phố Hà Nội; **5. Hoàng Hải S**, sinh ngày 19.7.1990; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi thường trú: số C hẻm C ngách D ngõ L, phường V - Q, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số D ngách A ngõ A phố N, phường L, thành phố Hà Nội.

- Bị hại không có kháng cáo:

1. Chị Đặng Thị Phương D, sinh năm: 2001; Nơi thường trú: Xóm E, Đ, xã H, thành phố Hà Nội.

2. Anh Mai Quốc K, sinh năm: 2005; Nơi thường trú: thôn Q, xã X, tỉnh Lào Cai.

3. Chị Phan Thị M, sinh năm: 1982, Nơi thường trú: số H ngõ A H, Ô, thành phố Hà Nội.

4. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1979, Nơi thường trú: số H ngõ A H, Ô, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 01/01/2026, Nguyễn Minh P đến địa chỉ số C ngách F N, phường Đ, thành phố Hà Nội để thuê nhà trọ. P phát hiện thấy nhà trọ có nhiều sơ hở, có sẵn mật khẩu để mở cửa vào nhà nên đã hẹn Đỗ Đức H, Nguyễn Đình T, Lê Thu N1 gặp nhau tại phố L để cùng đi trộm cắp xe máy để trong nhà trọ. Tối cùng ngày, H điều khiển xe Honda Vision màu đen không có biển kiểm soát chở T còn N1 điều khiển xe Honda Vision màu xanh, Biển kiểm soát: 29D1-844.34 của P chở P đi đến trước cổng nhà trọ số C ngách F N, phường Đ, thành phố Hà Nội và dựng xe máy ở gần đó. P đi vào mở khóa mật khẩu cửa cổng, H bảo N1 ở lại phía ngoài cổng để canh giới còn H, T và P đi vào trong tầng 1 của ngôi nhà thì thấy tại đây có để 02 chiếc xe máy gồm: 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Vision - BKS: 29Y1-653.03 của chị Đặng Thị Phương D và 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Airblade - BKS: 22B2-481.17 của anh Mai Quốc K. Tờ cất chiếc xe Vision của chị D ra ngoài đưa cho P cất đi còn chiếc xe Honda Airblade bị khóa cổ nên H đã lấy vạm (mang theo từ trước) để chọc, phá khóa ổ khóa xe cùng với T. Trong lúc H, T đang dùng vạm phá khóa chiếc xe Airblade của anh K thì có người trong nhà phát hiện truy hô nên H, T bỏ chạy ra ngoài, lên xe máy chạy trốn ra hướng H. T điều khiển xe máy của P chở N1 còn H đi xe 1 mình dùng chân đẩy chiếc xe Honda Vision vừa trộm cắp được do P ngồi điều khiển về khu vực phường Ô. Sau đó bốn đối tượng đẩy chiếc xe vừa trộm cắp được về ngách B H để cất giấu rồi tất cả đi về 1 nhà trọ trên phố L. Tại phòng trọ, H bảo T đi cùng quay lại chỗ cất giấu chiếc xe Vision để tháo biển kiểm soát của chiếc xe và dùng khóa chữ U để khóa bánh xe lại. Khi H, T quay lại phòng trọ thì P đặt vấn đề muốn giữ lại chiếc xe Vision vừa lấy trộm để P sử dụng và P sẽ trả cho H, T mỗi người 1.500.000 đồng, trả cho N1 500.000 đồng. Sau đó T chở P quay lại chỗ cất giấu xe Vision để P lấy xe mang về gửi lại tại chung cư số C H, T, Hà Nội. Trưa ngày 02/01/2026, P đã lên mạng tìm thợ khóa đến sửa lại khóa chiếc xe Vision rồi sử dụng để đi lại.

Vụ thứ hai: Trong quá trình cất giấu chiếc xe Vision tại ngách 28/127 Hào Nam vào tối ngày 01/01/2026, H và T phát hiện trong ngách có nhiều xe máy dựng ở đường không có người trông giữ nên H, T và Hoàng Hải S rủ nhau đi lấy trộm xe máy. Khoảng 03h00' ngày 03/01/2026, S mang theo 01 chiếc kìm cộng lực và điều khiển xe máy của S chở H, T đi đến ngách B H, phường Ô. Tại đây các đối tượng thấy trước cửa nhà số H ngách B H có dựng 02 chiếc xe máy: 01 chiếc nhãn hiệu Honda Wave màu đen – bạc, BKS: 29E2-798.93 của chị Phan Thị M và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng, BKS: 25AA-052.00

của chị Nguyễn Thị Thu H1, cả 2 xe đều khóa bánh xe bằng khóa chữ U. Quan sát thấy không có người trông giữ, T đứng ở đầu ngách để cảnh giới còn H và S cầm kìm cộng lực đi vào cắt khóa chữ U của hai chiếc xe máy, sau đó các đối tượng đã mở được khóa điện của chiếc xe máy nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng rồi giao cho S điều khiển chiếc xe này còn H điều khiển xe máy của S dùng chân đẩy chiếc xe Wave do T điều khiển đi về khu vực phố Đ. Trên đường đi các đối tượng dừng lại để S đấu dây điện, nổ máy chiếc xe Wave đồng thời tháo vút bỏ 2 chiếc biển kiểm soát của 2 chiếc xe vừa trộm cắp được. S đã liên hệ gọi cho Nguyễn Tiến C đặt vấn đề bán 2 chiếc xe vừa trộm cắp được thì C đồng ý mua và hẹn các đối tượng đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của C tại số D ngõ I Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Khoảng 06 giờ ngày 03/1/2026, C đang ở cửa hàng sửa xe của C thì H, T, S đi cùng 02 chiếc xe vừa trộm cắp đến, C biết đây là tài sản do nhóm của S, H, T phạm tội mà có vì cả 2 chiếc xe đều không có chìa khóa, không có Biển kiểm soát, không có giấy tờ xe, nhưng C vẫn đồng ý mua chiếc xe Wave với giá 3.000.000 đồng, còn chiếc xe nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng C không mua. Sau khi C trả tiền mua xe cho S, S đã chia cho H và T mỗi người 1 triệu đồng, còn chiếc xe ga màu trắng do chưa tiêu thụ được nên H điều khiển chiếc xe này đi về.

Sau khi mua được chiếc xe Wave, Nguyễn Tiến C đã liên hệ với 1 người đàn ông tên B2 (sử dụng số điện thoại 0973627808, C không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ của B2 ở đâu do B2 chỉ là khách đến sửa xe trước đây) để bán lại chiếc xe này cho B2. B2 đồng ý và hẹn C đi xe đến khu vực ngã 3 đường G - T, phường H, thành phố Hà Nội để giao dịch. Khoảng 10 giờ ngày 03/01/2026, C điều khiển chiếc xe Wave đến khu vực ngã 3 đường G - T thì thấy B2 đang đứng chờ sẵn, tại đây B2 đã đồng ý mua chiếc xe với giá 4.200.000 đồng. Sau khi B2 đưa tiền mặt cho C, C đã đón xe ôm đi về.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng của vụ án như sau:

- Tạm giữ của Đỗ Đức H:

+ 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại iphone 8 màu đen.

- Tạm giữ của Nguyễn Đình T: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10+ màu xanh.

- Tạm giữ của Nguyễn Minh P:

+ 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám.

+ 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS: 29D1-84434.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đỏ.

- Tạm giữ của Lê Thu N1: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu xanh đen.

- Tạm giữ của Nguyễn Tiến C: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh.

Tại Bản kết luận định giá số 11/KL-HĐĐG ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND phường Đ kết luận:

- *Chiếc xe Honda Vision màu xám đen tại thời điểm ngày 01/01/2026 có trị giá là: 30.300.000 đồng.*

- *Chiếc xe Honda Airblade màu đen bạc trắng tại thời điểm ngày 01/01/2026 có trị giá là: 22.150.000 đồng.*

- *Chiếc xe Honda Wave màu đen bạc, BKS: 29E2-79893 tại thời điểm ngày 03/01/2026 có giá trị là 13.150.000 đồng.*

- *Chiếc xe máy nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng, BKS: 25AA-052.00 tại thời điểm ngày 03/01/2026 có giá trị là 5.000.000 đồng.*

Xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe máy nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng, BKS: 25AA-052.00 tạm giữ của bị cáo Đỗ Đức H, là xe máy thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thu H1 bị mất trộm ngày 03/01/2026, do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H1.

- Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám tạm giữ của bị cáo Nguyễn Minh P là xe máy thuộc sở hữu của chị Đặng Thị Phương D bị mất trộm đêm ngày 01/01/2026, do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Đặng Thị Phương D.

* Đối với chiếc xe máy Honda Vision màu xanh, Biển kiểm soát: 29D1-84434, Số máy: JF66E0449716, Số khung: 5818GY502117 tạm giữ của bị cáo Nguyễn Minh P: P khai nhận đây là xe của P mua lại của một người phụ nữ tên “H2” tại khu vực đê L, thành phố Hà Nội vào khoảng cuối tháng 11/2025 với giá 15.000.000 đồng. Quá trình mua xe, P và H2 có làm giấy tờ mua bán và xe có đầy đủ giấy tờ, tuy nhiên P đã làm rơi mất giấy tờ xe cùng giấy mua bán. Qua tra cứu xác định số khung, số máy chiếc xe Vision tạm giữ của Nguyễn Minh P không trùng khớp với biển kiểm soát mà xác định Số máy: JF66E0449716, Số khung: 5818GY502117 là của chiếc xe Honda Vision màu đỏ - đen, Biển kiểm soát 34E1-

234.71, đứng tên đăng ký là chị Trịnh Thị Mai H3 (Sinh năm: 1975; Trú tại: Thôn B, xã N, Hải Phòng). Ngày 21/11/2025 chị H3 bị kẻ gian lấy trộm chiếc xe máy Honda Vision màu đỏ đen, Biển kiểm soát: 34E1-234.71 tại số A ngõ F T, phường G, thành phố Hà Nội. Chị H3 không biết đối tượng đã trộm cắp và không nghi ngờ cho ai.

Xét thấy chiếc xe Honda Vision màu xanh, Số máy: JF66E0449716, Số khung: 5818GY502117 mà cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo Nguyễn Minh P là tài sản của chị Trịnh Thị Mai H3 bị mất trộm tại số A ngõ F Thành Công, G, Hà Nội vào ngày 21/11/2025. Cơ quan điều tra đã tách toàn bộ tài liệu liên quan cùng chiếc xe Honda Vision màu xanh, Số máy: JF66E0449716, Số khung: 5818GY502117 để chuyển đến Công an phường G, Hà Nội điều tra, xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

* Đối với biển kiểm soát: 29D1-844.34, qua tra cứu xác định là biển kiểm soát của xe Honda Vision màu xanh, Số máy: JF58E0260273, Số khung: RLHJF5806EY260190, đứng tên đăng ký là ông Nguyễn Xuân C1 (sinh năm: 1950; Trú tại: 2 Đ, phường B, Hà Nội). Năm 2015, ông C1 mua và đứng tên đăng ký chiếc xe Honda Vision màu xanh, Biển kiểm soát: 29D1-84431. Sau đó ông C1 đã bán chiếc xe này, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông C1 không nhớ thông tin của người mua.

Đối với đối tượng tên B2 sử dụng số điện thoại 0973627808 mà bị can C cung cấp, qua điều tra xác định chủ đứng tên đăng ký là: Trương Trọng T1 (sinh năm 1997; Trú tại: Thôn H, xã H, Thanh Hóa). T1 khai nhận bản thân có đăng ký sử dụng số điện thoại 0973627808 từ khoảng tháng 3/2024 cho đến khoảng cuối tháng 01/2026, do không còn nhu cầu sử dụng nên T1 đã vứt bỏ, không sử dụng số điện thoại này nữa. T1 khai không quen biết và không mua chiếc xe máy nào của ai tên Nguyễn Tiến C. Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Tiến C nhận dạng Trương Trọng T1 để xác định người tên B2 đã mua chiếc xe Wave vào ngày 03/01/2026 nhưng C không nhận ra được do người trong bản ảnh không phải B2. Do không có tài liệu chứng cứ chứng minh Trương Trọng T1 là người đã mua lại chiếc xe máy Honda Wave của Nguyễn Tiến C nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại chiếc xe máy bị mất trộm, người bị hại là chị Đặng Thị Phương D và chị Nguyễn Thị Thu H1 không có yêu cầu đền bù gì.

Đối với anh Mai Quốc K do các đối tượng chưa phá được khóa để lấy xe của anh K nên anh K không có yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc xe Honda Wave màu đen bạc, BKS: 29E2-79893 của chị Phạm Thị M1 do chưa thu hồi được tài sản nên chị M1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 13.150.000 đồng tương đương với trị giá chiếc xe máy của chị bị mất trộm.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKSKV2 ngày 04.5.2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội đã truy tố Nguyễn Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Đức H, Nguyễn Minh P và Lê Thu N1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Hải S tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Tiến C về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 266/2026/HSST ngày 28/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hà Nội quyết định:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình T, Đỗ Đức H, Hoàng Hải S, Nguyễn Minh P, Lê Thu N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Tiến C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Điều luật áp dụng và xử phạt:

- **Áp dụng:** điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026.

- **Áp dụng:** điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Đỗ Đức H 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026.

- **Áp dụng:** điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thu N1 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Hải S 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05.3.2026.

- **Áp dụng:** điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc các bị cáo truy nộp tiền thu lời bất chính, cụ thể như sau:

Buộc Nguyễn Đình T truy nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

Buộc Đỗ Đức H truy nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

Buộc Hoàng Hải S truy nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

Buộc Nguyễn Tiến C truy nộp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T, Đỗ Đức H và Hoàng Hải S phải liên đới bồi thường cho chị Phan Thị M số tiền 13.150.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo phải chịu 4.383.000 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2026 bị cáo Nguyễn Tiến C kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm 266/2026/HSST ngày 28/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do án sơ thẩm xử bị cáo là nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo mới mở hiệu sửa xe để tu chí làm ăn, đây là lần đầu bị cáo mua xe không có giấy tờ sửa để bán lại kiếm lời được 1.200.000 đồng. Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của bị cáo là phạm tội nhưng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù là nặng, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tình tiết, nội dung vụ án, nhân thân bị cáo, tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến C: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 15 (mười

lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tham gia tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm về trình tự, thủ tục và thẩm quyền đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến C; căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ; hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 03/01/2026, Đỗ Đức H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Minh P, Hoàng Hải S và Lê Thu N1 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Hồi 23 giờ 30 phút ngày 01/01/2026, tại số C ngách F N, Đ, Hà Nội các bị cáo Đỗ Đức H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Minh P và Lê Thu N1 đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Vision - BKS: 29Y1-653.03 trị giá 30.300.000 đồng của chị Đặng Thị Phương D và 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Airblade – BKS: 22B2-481.17 trị giá 22.150.000 đồng của anh Mai Quốc K (*tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 52.450.000 đồng*).

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 03/01/2026, tại trước nhà số H ngách B H, phường Ô, Hà Nội, các bị cáo Đỗ Đức H, Nguyễn Đình T và Hoàng Hải S đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 chiếc xe máy gồm 01 chiếc nhãn hiệu Honda Wave màu đen - bạc, BKS: 29E2-798.93 trị giá 13.150.000 đồng của chị Phan Thị M và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu NIOSHIMA màu trắng, BKS: 25AA-052.00 trị giá 5.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H1 (*tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 18.150.000 đồng*).

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Đình T, Đỗ Đức H chiếm đoạt là 70.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Minh P, Lê Thu N1 chiếm đoạt là 52.450.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Hoàng Hải S chiếm đoạt là 18.150.000 đồng.

Đối với Nguyễn Tiến C mặc dù nhận thức được chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen - bạc, BKS: 29E2-798.93 mà nhóm của S, H và T mang đến bán là tài sản do phạm pháp mà có nhưng C vẫn đồng ý mua để bán lại cho người khác nhằm hưởng lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Minh P, Đỗ Đức H, Hoàng Hải S, Lê Thu N1 đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản; hành vi của bị cáo Nguyễn Tiến C đã phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Với hành vi trên, Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tiến C về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tội danh và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo về giảm nhẹ hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, hiểu biết về pháp luật nhưng do hám lợi bất chính nên đã dẫn đến hành vi phạm tội, việc Tòa án xét xử các bị cáo là cần thiết để đảm bảo tính răn đe. Nhân thân bị cáo đã có tiền án, tiền sự đã từng được cơ quan pháp luật giáo dục mà không lấy đó làm bài học, vẫn đi vào con đường phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải áp dụng hình phạt tù giam, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và đáp ứng nhu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã xử phạt bị cáo C 15 (mười lăm) tháng tù là có phần nghiêm khắc bởi lẽ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản 01 lần hưởng lợi với giá trị tài sản không lớn. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên, cần áp dụng mức hình phạt 12 tháng tù giam đối với bị cáo C là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến C, sửa quyết định của bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

I. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến C

II. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 266/2026/HSST ngày 28/05/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến C phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08.01.2026.

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí;

Bị cáo Nguyễn Tiến C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Tòa án và VKSND khu vực 2, Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2, Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hồng

